

Số 31 /TB-ĐHNH-KTĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ 1 (đợt 1) năm học 2025-2026**  
**Hệ ĐH chính quy chuẩn, ĐH chất lượng cao, ĐH quốc tế song bằng**

| STT | MSSV         | Họ và tên            | Môn thi                                   | Lớp thi | Điểm trước phúc khảo | Điểm sau phúc khảo |
|-----|--------------|----------------------|-------------------------------------------|---------|----------------------|--------------------|
| 1   | 050812240068 | Trần Thị Thuý An     | Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ Tài chính | L37     | 6.8                  | 6.8                |
| 2   | 050812240009 | Ngô Trương Linh Ân   | Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ Tài chính | L37     | 6.0                  | <b>6.2</b>         |
| 3   | 050812240010 | Nguyễn Huỳnh Bảo Ân  | Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ Tài chính | L37     | 5.6                  | <b>5.8</b>         |
| 4   | 030839230003 | Nguyễn Ngọc Hoài An  | Thương mại trên mạng xã hội               | D01     | 6.8                  | 6.8                |
| 5   | 030839230007 | Đỗ Nguyễn Nhật Anh   | Thương mại trên mạng xã hội               | D01     | 6.3                  | 6.3                |
| 6   | 031040240027 | Lê Trần Phương Anh   | Kinh tế lượng                             | D05     | 8.0                  | 8.0                |
| 7   | 030140240025 | Mai Kim Ngọc Anh     | Kinh tế chính trị Mác - Lênin             | D26     | 7.0                  | 7.0                |
| 8   | 030140240025 | Mai Kim Ngọc Anh     | Logic ứng dụng trong kinh doanh           | D04     | 8.5                  | 8.5                |
| 9   | 030439230022 | Vũ Ngọc Huyền Anh    | Tiếng Trung Quốc 3                        | D02     | 9.0                  | 9.0                |
| 10  | 050112240016 | Nguyễn Ngọc Ánh      | Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ Tài chính | L10     | 4.6                  | 4.6                |
| 11  | 030140240028 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Logic ứng dụng trong kinh doanh           | D04     | 9.5                  | 9.5                |
| 12  | 030140240036 | Lê Đỗ Gia Bảo        | Logic ứng dụng trong kinh doanh           | D01     | 9.0                  | 9.0                |
| 13  | 031040240001 | Nguyễn Trần Quốc Bảo | Kinh tế lượng                             | D05     | 4.5                  | 4.5                |
| 14  | 031040240031 | Trần Đình Cang       | Kinh tế lượng                             | D05     | 6.0                  | 6.0                |

|    |              |                   |       |                                   |     |     |            |
|----|--------------|-------------------|-------|-----------------------------------|-----|-----|------------|
| 15 | 030439230036 | Đinh Thị Kim      | Chi   | Hình thái - Cú pháp học           | D04 | 7.7 | 7.7        |
| 16 | 030439230036 | Đinh Thị Kim      | Chi   | Thực hành viết thư tín thương mại | D01 | 7.4 | 7.4        |
| 17 | 030740240038 | Phạm Thị Thuỳ     | Dương | Luật tố tụng hình sự              | D01 | 5.5 | 5.5        |
| 18 | 050512240143 | Đinh Thị Thuỳ     | Duyên | Kinh tế lượng                     | L15 | 7.5 | 7.5        |
| 19 | 030139230071 | Nguyễn Tạ Tú      | Duyên | Tài chính quốc tế                 | D01 | 5.3 | 5.3        |
| 20 | 030839230045 | Nguyễn Thị Mỹ     | Duyên | Thương mại trên mạng xã hội       | D01 | 7.0 | 7.0        |
| 21 | 050512240153 | Trần Thuý         | Hằng  | Tiếng Anh tăng cường 4            | L19 | 0.5 | 0.5        |
| 22 | 050512240160 | Bùi Song          | Hiệp  | Kinh tế lượng                     | L15 | 5.0 | 5.0        |
| 23 | 030839230074 | Trần Quốc         | Hoàng | Thương mại trên mạng xã hội       | D01 | 9.0 | 9.0        |
| 24 | 050512240166 | Bùi Song          | Hùng  | Kinh tế lượng                     | L15 | 2.0 | 2.0        |
| 25 | 050112240569 | Ngô Thị Mỹ        | Huyền | Tài chính quốc tế                 | L04 | 3.0 | 3.0        |
| 26 | 030839230086 | Nguyễn Hoàng      | Huỳnh | Giao dịch thương mại quốc tế      | D01 | 6.5 | 6.5        |
| 27 | 030839230087 | Lương             | Khải  | Thương mại trên mạng xã hội       | D01 | 9.3 | 9.3        |
| 28 | 030839230089 | Nguyễn Duy        | Khánh | Thương mại trên mạng xã hội       | D01 | 8.8 | 8.8        |
| 29 | 050112240638 | Nguyễn Hoàng Nhật | Lam   | Tiếng Anh tăng cường 4            | L33 | 2.4 | <b>3.9</b> |
| 30 | 031440240030 | Phạm Thị Phương   | Mai   | Kinh doanh quốc tế                | D02 | 4.8 | <b>5.0</b> |
| 31 | 030439230138 | Nguyễn Hồng       | Mẫn   | Lý thuyết dịch                    | D03 | 6.0 | 6.0        |
| 32 | 030739230096 | Võ Thị            | Mến   | Luật sở hữu trí tuệ               | D02 | 3.3 | <b>6.8</b> |
| 33 | 031040240037 | Nguyễn Thị Diễm   | My    | Kinh tế lượng                     | D05 | 5.0 | 5.0        |

|    |              |                  |        |                                |     |     |            |
|----|--------------|------------------|--------|--------------------------------|-----|-----|------------|
| 34 | 030839230137 | Huỳnh Thị Mỹ     | Na     | Thương mại trên mạng xã hội    | D01 | 7.8 | <b>8.0</b> |
| 35 | 031040240010 | Hoàng Công       | Nam    | Kinh tế lượng                  | D05 | 6.0 | 6.0        |
| 36 | 030840240176 | Trần Kim         | Ngân   | Kinh tế lượng                  | D18 | 5.5 | 5.5        |
| 37 | 031440240002 | TSần Đường       | Ngân   | Kinh doanh quốc tế             | D02 | 6.5 | <b>6.8</b> |
| 38 | 031140240033 | Vũ Hạnh          | Ngân   | Kinh tế lượng                  | D06 | 4.5 | 4.5        |
| 39 | 050312240107 | Lê Nguyễn Bảo    | Ngọc   | Tiếng Anh tăng cường 4         | L21 | 4.2 | 4.2        |
| 40 | 031140240034 | Nguyễn Thị Thanh | Ngọc   | Kinh tế lượng                  | D06 | 5.5 | 5.5        |
| 41 | 031140240015 | Kiên Hương Thảo  | Nguyên | Kinh tế lượng                  | D06 | 7.0 | 7.0        |
| 42 | 030239230178 | Nguyễn Đào Ánh   | Ni     | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | D01 | 8.8 | 8.8        |
| 43 | 050112240874 | Nguyễn Phạm Tiến | Quân   | Tiếng Anh tăng cường 4         | L03 | 2.7 | 2.7        |
| 44 | 030739230144 | Nguyễn Lê Bá     | Quang  | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | D01 | 9.0 | 9.0        |
| 45 | 030839230205 | Nguyễn Thị Kim   | Quyên  | Kinh doanh quốc tế             | D01 | 7.8 | <b>8.0</b> |
| 46 | 030439230207 | Võ Hoàng         | Quyên  | Văn hoá Mỹ                     | D05 | 4.6 | 4.6        |
| 47 | 030239230203 | Nguyễn Đặng Như  | Quỳnh  | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | D01 | 9.5 | 9.5        |
| 48 | 050512240225 | An Thị           | Thảo   | Tiếng Anh tăng cường 4         | L21 | 2.9 | 2.9        |
| 49 | 030839230220 | Nguyễn Thanh     | Thảo   | Thương mại trên mạng xã hội    | D03 | 6.0 | 6.0        |
| 50 | 030839230225 | Lê Thị Xuân      | Thi    | Kinh doanh quốc tế             | D01 | 7.5 | 7.5        |
| 51 | 030140240454 | Trương Thị Kim   | Thôn   | Kế toán tài chính              | D12 | 5.5 | 5.5        |
| 52 | 030839230231 | Lê Thị Minh      | Thư    | Thương mại trên mạng xã hội    | D02 | 8.3 | 8.3        |

|    |              |                   |        |                                |     |     |     |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------------------------|-----|-----|-----|
| 53 | 030839230233 | Nguyễn Ngọc Thanh | Thư    | Thương mại trên mạng xã hội    | D02 | 8.3 | 8.3 |
| 54 | 030238220261 | Nguyễn Thị        | Thương | Kinh tế lượng                  | D06 | 7.0 | 7.0 |
| 55 | 030140240255 | Lê Bích           | Trâm   | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | D26 | 8.5 | 8.5 |
| 56 | 050312240188 | Võ Ngọc Tú        | Trang  | Tiếng Anh tăng cường 4         | L23 | 4.7 | 4.7 |
| 57 | 030239230272 | Võ Thanh          | Trúc   | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | D01 | 8.0 | 8.0 |

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Huỳnh Đỗ Bảo Châu**